BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KHUNG NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN DÀNH CHO GIÁO VIÊN TIẾNG ANH

Mã số: Đ2014-05-35

Chủ nhiệm đề tài: TS. NGUYỄN VĂN LONG

Đà Nẵng, 12/2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KHUNG NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN DÀNH CHO GIÁO VIÊN TIẾNG ANH

Mã số: Đ2014-05-35

Xác nhận của cơ quan chủ trì đề tài	**Chủ nhiệm đề tài**
(ký, họ và tên, đóng dấu)	*(ký, họ và tên)*

Đà Nẵng, 12/2014

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào tiến trình giảng dạy và học tập nói chung và đào tạo ngoại ngữ nói riêng đã phát triển sâu rộng ở các nước trong khu vực và thế giới. Hiện nay, mối quan tâm của các nhà nghiên cứu và các nhà giáo dục không còn là có nên giới thiệu và ứng dụng CNTT vào quá trình đào tạo hay không, mà là làm thế nào để năng cao hiệu quả học tập của sinh viên thông qua việc ứng dụng các thành tựu mới của CNTT. Điều này chứng minh một thực tế là hành trình đưa các ứng dụng của công nghệ vào lớp học là xu thế mới, không thể quay ngược. Thêm vào đó, giúp sinh viên tiếp cận và làm quen với các phương tiện hỗ trợ học tập này là cách hỗ trợ họ chuẩn bị hành trang trên bước đường hòa nhập vào thị trường lao động hiện đại, nơi mà cái bóng của CNTT là khắp nơi, len lỏi vào công việc và cuộc sống của họ. Việc ứng dụng CNTT là hiện thực đang được triển khai ở các nước trong khu vực và thế giới; nhưng đối với giáo dục Việt Nam, đây là lý tưởng cần vươn tới. Mặc dầu đã có những đầu tư đáng kể về hạ tầng cơ sở CNTT vào giáo dục trong những năm gần đây, hạ tầng CNTT chúng ta vẫn luôn trong thế rượt đuổi với sự phát triển vượt bậc của CNTT thế giới.

Việc đào tạo ngoại ngữ có sự hỗ trợ của công nghệ Internet đã và đang xuất hiện ở các cấp đại học, trung học và dạy nghề ở nhiều nước trên thế giới. Ngay tại Việt Nam việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ở trường học cũng đang trên đà phát triển, dù vẫn còn trong giai đoạn manh mún. Ngày nay, việc học tiếng Anh qua máy tính và việc học cách sử dụng thành thạo máy tính qua tiếng Anh là khuynh hướng chung trong các chương trình đào tạo ngoại ngữ.

Ứng dụng CNTT vào tiến trình giảng dạy và học tập nói chung và đào tạo ngoại ngữ nói riêng đã phát triển sâu rộng ở các

nước trong khu vực và thế giới. Hiện nay, mối quan tâm của các nhà nghiên cứu và các nhà giáo dục không còn là có nên giới thiệu và ứng dụng CNTT vào quá trình đào tạo hay không, mà là làm thế nào để năng cao hiệu quả học tập của sinh viên thông qua việc ứng dụng các thành tựu mới của CNTT. Điều này chứng minh một thực tế là hành trình đưa các ứng dụng của công nghệ vào lớp học là xu thế mới, không thể quay ngược. Thêm vào đó, giúp sinh viên tiếp cận và làm quen với các phương tiện hỗ trợ học tập này là cách hỗ trợ họ chuẩn bị hành trang trên bước đường hòa nhập vào thị trường lao động hiện đại, nơi mà cái bóng của CNTT là khắp nơi, len lỏi vào công việc và cuộc sống của họ.

Khung năng lực Công nghệ Thông tin dành cho giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam được xây dựng sẽ giúp chuẩn hóa và nâng cao nhận thức của giáo viên tiếng Anh trong việc ứng dụng Công nghệ Thông tin vào các hoạt động dạy và học; nghiên cứu và trao đổi giữa các thầy cô giáo. Đó là mục đích chính của công tác xây dựng này.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu của đề tài này là nghiên cứu và phát triển chuẩn năng lực công nghệ thông tin, dựa trên Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020";

- Ứng dụng công nghệ để lưu trữ, phản hồi và đánh giá kết quả học tập được phát triển.
- Ứng dụng Công nghệ Thông tin trong kiểm tra đánh giá của người học ngoại ngữ.

Nghiên cứu, tìm ra các giải pháp nhằm đưa các ứng dụng của mạng xã hội vào quá trình đào tạo; biến quá trình học tập không chỉ bó gọn trong bốn bức tường của lớp học. Việc ứng dụng Web2.0 vào quá trình giảng dạy nhằm nâng cao tính tự chủ

và động cơ học tập của sinh viên; và đặc biệt mở rộng khả năng tương tác (tương tác với nội dung môn học, với giảng viên, với bạn học) của sinh viên bằng ba hướng: (1) kéo thế giới vào lớp học; (2) mang lớp học ra khỏi bốn bức tường; và (3) đặc biệt là, quá đó, tăng năng lực tiếp cận, xử lý, và điều tiến thông tin để tạo thông tin mới của người học.

3. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Xây dựng các khung năng lực Công nghệ Thông tin dành cho giáo viên. Giáo dục kỹ thuật số là phương thức học tập và làm việc mới với Công nghệ Thông tin và liên lạc tạo thuận lợi cho các trải nghiệm học tập chất lượng đối với người học kỹ thuật số thế kỷ 21.

Thực hiện và quản lý các hệ thống thông tin quản lý giáo dục trực tuyến và cơ sở dữ liệu của ngành."

Yêu cầu giáo viên, sinh viên và học sinh phải đạt chuẩn kiến thức về Công nghệ Thông tin.

4. Cấu trúc đề tài

Ngoài các phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục; nội dung chính của đề tài được trình bày trong 3 chương, cụ thể:

Chương 1. Cơ sở lý luận

Chương 2. Phương pháp nghiên cứu

Chương 3. Khung năng lực công nghệ thông tin cho giáo viên

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Cơ sở lý thuyết

1.1.1. Giáo dục kỹ thuật số

Giáo dục kỹ thuật số là phương thức học tập và làm việc mới với Công nghệ Thông tin và liên lạc tạo thuận lợi cho các trải nghiệm học tập chất lượng đối với người học kỹ thuật số thế kỷ 21. Nó được định nghĩa là sự hội tụ các kỹ năng công nghệ, các hoạt động sư phạm và sự hiểu biết về thiết kế chương trình giảng

dạy phù hợp với người học kỹ thuật số. Nó chuyển sự tập trung từ các công cụ và các kỹ năng Công nghệ Thông tin và liên lạc đến một phương thức làm việc mới trong thế giới kỹ thuật số.

1.1.2. Các đường hướng ứng dụng Công nghệ Thông tin

Khi xây dựng khung năng lực Công nghệ Thông tin cho giáo viên chúng tôi dựa vào các đường hướng ứng dụng Công nghệ Thông tin để làm cơ sở cho lựa chọn các tiêu chí năng lực được mô tả trong các mục tiêu.

Giáo viên muốn đạt được các mục tiêu và tiêu chuẩn năng lực không những bồi dưỡng kiến thức và khả năng ứng dụng Công nghệ Thông tin mà còn phải biết lựa chọn các phương pháp hay đường hướng sư phạm phù hợp trong giảng dạy ngoại ngữ có ứng dụng Công nghệ Thông tin. Đồng thời, chúng tôi xác định các đường hướng dưới đây chính là cơ sở lý thuyết về phương pháp, qua đó thể hiện năng lực của giáo viên. Các mục tiêu và tiêu chí năng lực được phát triển có nội hàm đều là các đường hướng sau bởi lẽ không có một đương hướng nào dưới đây là phù hợp với tất cả ứng dụng trong môi trường công nghệ hoặc ít có ứng dụng công nghệ nào chỉ dùng một đường hướng.

1.1.2.1. Đường hướng hành vi (behavioural approach)

Đường hướng hành vi là một đường hướng chính trong quá trình dạy học. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bắt chước và luyện tập như là một quá trình thiết yếu trong việc phát triển ngôn ngữ. Chính vì vậy, theo đường hướng hành vi trong giảng dạy ngôn ngữ, việc thiết kế các trang web học trực tuyến hay phần mềm giảng dạy cần phải đi theo cấu trúc đã được sắp đặt sẵn, đó là một khối lượng kiến thức nhất định để hiểu một chủ đề. Giáo viên cần phải hiểu và có năng lực sử dụng Công nghệ Thông tin kết hợp với năng lực ngôn ngữ và phương pháp sư phạm để có thể phát huy được tối đa vai trò của giáo viên khi ứng dụng Công nghệ Thông tin trong dạy học ngoại ngữ.

1.1.2.2. Đường hướng tri nhận - kiến tạo (cognitive-constructivist approach)

Những giáo viên theo đường hướng tri nhận sử dụng các chiến lược điều tiết và tiếp thu để giúp người học chiếm lĩnh tri thức tích cực hơn, hướng dẫn người học học, ghi nhớ, suy nghĩ một cách phê phán, khuyến khích người học vận dụng hơn là chỉ tập trung vào thành tích làm cho người học hiểu bài một cách thụ động. Khái niệm *lược đồ* là một nguyên tắc quan trọng trong đường hướng tri nhận-xây dựng - đây là một tiến trình tổ chức các khái niệm và thông tin thành một cấu trúc tri nhận hỗ trợ cho việc sử dụng ngôn ngữ sau này và việc nhớ lại kiến thức. Hình thức học bằng cách *khám phá, tiếp nhận, và xử lý thông tin* là đặc trưng của việc áp dụng các nguyên tắc tri nhận trong các bài giảng dựa trên công nghệ dạy học. Vì vậy, kiến thức và khả năng về sử dụng Công nghệ Thông tin của giáo viên sẽ được phân loại theo các cấp độ này.

1.1.2.3. Đường hướng nhận thức (cognitive approach)

Đường hướng nhận thức nhấn mạnh tầm quan trọng của người học trong quá trình lĩnh hội kiến thức. Người học chịu trách nhiệm đối với việc học và người dạy đóng một vai trò khác.

Đường hướng nhận thức như là một chuỗi liên kết trong đó mỗi bài tập biểu hiện một điểm liên kết trên chuỗi liên kết đó mà người học phải có trách nhiệm gắn kết những điểm đó lại với nhau và nếu một điểm liên kết yếu, hay nói cách khác là người học chưa hiểu vấn đề thì những gì người học cần làm là học tập để bổ sung kiến thức đó. Chính vì vậy, việc giáo viên có năng lực ứng dụng đường hướng nhận thức vào việc sử dụng Công nghệ Thông tin trong dạy học phải tạo một môi trường học giống với thực tế cuộc sống. Hơn nữa, học sinh cần được hướng dẫn để mở rộng kiến thức khi sử dụng những gì họ đã và đang học.

1.1.2.4. Đường hướng văn hóa - xã hội (sociocultural theory)

Lý thuyết văn hóa xã hội còn nhấn mạnh đến việc học diễn ra thông qua các phương tiện như ngôn ngữ, ký hiệu, hình ảnh, chữ viết cũng như các thiết bị công nghệ. Để một phần mềm hay một chương trình học ngoại ngữ trực tuyến có thể bồi dưỡng cho người học sự phát triển khả năng xử lý thông tin tốt hơn, phần mềm đó phải tạo ra môi trường học đa dạng các loại hình bài tập rèn luyện kỹ năng. Từ đó, người học sẽ có thói quen tự phản ánh quá trình học của mình và tự tìm ra các chiến lược học tập có định hướng trong hoạt động học. Thuyết văn hóa xã hội còn chú trọng đến *cộng đồng thực hành tiếng*.

Như vậy, việc ứng dụng Công nghệ Thông tin phải cung cấp cho người học những lời nhận xét, đánh giá phù hợp với năng lực của họ cũng như là những hướng dẫn sử dụng công nghệ đó. Đường hướng văn hóa xã hội được thể hiện trong mục tiêu 4 khung năng lực Công nghệ Thông tin. Tức là khả năng sử dụng công nghệ để nâng cao năng lực giao tiếp, khả năng hợp tác và tính hiệu quả trong giảng dạy của giáo viên trong một xã hội học tập với Công nghệ Thông tin.

1.1.3. Năng lực Công nghệ Thông tin

Bảng phân loại năng lực công nghệ bao gồm các bậc cấp độ phát triển từ đơn giản đến phức tạp, từ bậc đầu tiên đến bậc cuối cùng, từ khái quát đến chi tiết. Sáu cấp độ liên kết khá chặt chẽ về khả năng đọc hiểu, hợp tác, quyết định, hướng dẫn, tích hợp và xem xét đã chỉ ra một cách nhìn mới về việc học trong môi trường công nghệ.

Bảng năng lực của Tomei (2003) được phân bố theo trục dọc, chúng tôi tổng hợp các cấp độ trên theo trục ngang để phân loại năng lực: tiêu chí thể hiện cơ bản và tiêu chí thể hiện ở cấp độ chuyên nghiệp và xây dựng thành 2 cấp độ năng lực cho giáo

viên tiếng Anh ở Việt Nam: thể hiện ở cấp độ cơ bản và thể hiện ở cấp độ chuyên nghiệp.

Mỗi mục tiêu là một năng lực khác nhau. Trong mỗi mục tiêu có các tiêu chuẩn thể hiện các khía cạnh năng lực Công nghệ Thông tin. Chúng tôi chia các tiêu chuẩn thành hai tiêu chí thể hiện như đã phân tích ở trên: tiêu chí thể hiện ở cấp độ cơ bản và tiêu chí thể hiện ở cấp độ chuyên nghiệp. Mục đích của chúng tôi là bồi dưỡng năng lực Công nghệ Thông tin cho giáo viên để giáo viên đạt được năng lực cơ bản hoặc cao hơn là cấp độ chuyên nghiệp đối với những giáo viên có đam mê về công nghệ.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Nhu cầu của xã hội

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chỉ thị về "tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng Công nghệ Thông tin trong ngành Giáo dục giai đoạn 2013-2018. Như vậy, yêu cầu giáo viên, sinh viên và học sinh phải đạt chuẩn kiến thức về Công nghệ Thông tin.

Đối với giáo viên tiếng Anh, để nâng cao năng lực chuyên môn và triển khai Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020", các cơ sở đào tạo được Đề án giao nhiệm vụ như là những Trung tâm Ngoại ngữ khu vực đã tổ chức các đợt bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học Cơ sở của các Sở GDĐT trên toàn quốc. Đợt bồi dưỡng hướng tới nâng cao một bậc năng lực tiếng Anh, cập nhật phương pháp giảng dạy và sử dụng sách giáo khoa mới hiệu quả cho giáo viên Tiếng Anh cấp THCS từ các Sở GDĐT đã có trình độ tương đương bậc 3 (B1-CEFR) hoặc bậc 2 (A2- CEFR) đối với các địa bàn khó khăn.

Từ cơ sở thực tiễn trên chúng tôi muốn nghiên cứu và xây dựng khung năng lực về kiến thức Công nghệ Thông tin và ứng dụng Công nghệ Thông tin của giáo viên nhằm đạt hiệu quả cao

nhất trong giảng dạy, đáp ứng mọi nhu cầu giáo dục của xã hội hiện nay.

1.2.2. Sự cần thiết của năng lực ứng dụng CNTT trong giảng dạy

Để ứng dụng Công nghệ Thông tin hiệu quả trong việc giảng dạy đòi hỏi người dạy phải có kiến thức về các thiết bị kỹ thuật số và các đường hướng ứng dụng Công nghệ Thông tin.

Hiện nay, Công nghệ Thông tin gần như trở thành phương tiện và môi trường học tập, giảng dạy không thể tách rời với quá trình giáo dục. Chính vì vậy, năng lực CNTT của giáo viên là một yêu cầu không thể thiếu trong quá trình dạy học của người giáo viên. Nếu không có năng lực ứng dụng Công nghệ Thông tin giáo viên khó có thể thực hiện được các nhiệm vụ trọng tâm của năm học như sau (Trích Bộ GD&ĐT, 2007b; Bộ GD&ĐT, 2012). Từ các nhiệm vụ trọng tâm, chúng tôi phát triển các mục tiêu và triển khai các tiêu chuẩn trong mỗi mục tiêu.

- Triển khai mạng giáo dục. (Mục tiêu 4)
- Tăng cường phát triển nội dung thông tin số. (Mục tiêu 1)
- Triển khai chương trình công nghệ giáo dục. (Mục tiêu 1, Mục tiêu 2)
- Phát động các phong trào thi đua soạn bài giảng điện tử để đổi mới cách dạy và học. (Mục tiêu 2)
- Tăng cường việc tổ chức họp, hội nghị và giảng dạy qua mạng. (Mục tiêu 4)
- Tiếp tục thực hiện việc xử lý, phân tích dữ liệu kết quả các kì thi. (Mục tiêu 3)
- Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức và kĩ năng về CNTT cho cán bộ quản lý và giáo viên trong quản lý giáo dục và trong giảng dạy. (Mục tiêu 2, Mục tiêu 4)

1.3. Các chuẩn trong bối cảnh Việt Nam

1.3.1. Một số thuật ngữ

Thuật ngữ "Công nghệ Thông tin" dùng trong tài liệu này chỉ máy tính và các thiết bị kỹ thuật số cùng các ứng dụng đi kèm; các thiết bị kỹ thuật số khác như điện thoại di động, điện thoại di động thông minh, máy tính bảng, thiết bị hỗ trợ cá nhân kỹ thuật số (PDA), máy nghe nhạc MP3.

Có ba lý do để khung năng lực Công nghệ Thông tin của tổ chức TESOL được lựa chọn để xây dựng Khung năng lực Công nghệ Thông tin dành cho giáo viên tiếng Anh tại Việt Nam:

- Khung năng lực Công nghệ Thông tin của tổ chức TESOL được thiết kế dành riêng cho việc dạy và học ngoại ngữ trong khi khung ISTE và UNESCO được thiết kế dành cho mọi lĩnh vực giáo dục.
- Khung năng lực Công nghệ Thông tin của tổ chức TESOL được thiết kế dành cho mọi đối tượng trong dạy và học ngoại ngữ với các trình độ ngôn ngữ khác nhau, mức độ áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ khác nhau, hạ tầng công nghệ thông tin khác nhau cũng như bối cảnh giáo dục khác nhau. Trong khi đó, khung ISTE và UNESCO dường như được thiết kế dành riêng cho đối tượng đặc thù và gắn với một quãng thời gian phát triển nhất định.
- Khung năng lực Công nghệ Thông tin của tổ chức TESOL không mang tính phân biệt với bất kỳ đường hướng giáo dục nào. Điều này hoàn toàn khác với các khung năng lực Công nghệ Thông tin khác. Trái lại, khung năng lực Công nghệ Thông tin của tổ chức TESOL chỉ xem việc giảng dạy tiếng Anh là một mục đích giảng dạy và việc áp dụng Công nghệ Thông tin nhằm giúp việc giảng dạy tiếng Anh hiệu quả hơn.

Ngoài ra, giáo viên tiếng Anh trong đề án này bao gồm:

- Giáo viên tiếng Anh bậc tiểu học cơ sở
- Giáo viên tiếng Anh bậc trung học cơ sở
- Giáo viên tiếng Anh bậc trung học phổ thông
- Giảng viên tiếng Anh bậc đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp

Tuy có khác biệt về nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, giáo viên tiếng Anh ở cả bốn bậc này đều có nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Các cấp độ về năng lực Công nghệ Thông tin như sau: ghi nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá, và sáng tạo. Tuy nhiên, để tạo điều kiện dễ dàng cho việc tiếp cận chuẩn cũng như hội nhập với xu hướng chung của nền giáo dục thế giới, chỉ hai khái niệm về cấp độ cơ bản và cấp độ chuyên nghiệp sẽ được sử dụng trong đề án này, đúng như đề xuất của khung năng lực Công nghệ Thông tin của TESOL.

1.3.2. Tình hình ứng dụng Công nghệ Thông tin trong giảng dạy

Từ những năm 1990, nhiều chương trình, dự án đã được triển khai nhằm đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ Thông tin trong dạy học. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng còn chưa triệt để, nhiều địa phương, cá nhân còn chưa hiểu rõ hoặc xem nhẹ việc phát triển ứng dụng Công nghệ Thông tin trong dạy và học.

Để nâng cao hiệu quả giao tiếp với đồng nghiệp và các nhà quản lý giáo dục, giáo viên cần phải tham gia vào các cộng đồng mạng, trang mạng xã hội. Giáo viên cần phải thường xuyên giao tiếp, hợp tác có hiệu quả với đồng nghiệp cũng như các nhà quản lý thông qua các trang mạng, diễn đàn nhằm tận dụng tối đa những lợi ích do các trang mạng này mang lại.

Giáo viên chính là người hiểu rõ nhất về hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Nhờ đó, họ có thể tham mưu, tư vấn cho nhà quản lý giáo dục về việc liệu có nên sử

dụng rộng rãi những chương trình ấy như các công cụ hỗ trợ cho việc dạy và học hay không.

Một điểm đặc biệt quan trọng trong việc tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là giáo viên cần phải làm nghiên cứu khoa học và chia sẻ những kết quả nghiên cứu cho cộng động. Các nghiên cứu nên dựa trên những thực trạng của việc ứng dụng công nghệ trong dạy học để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình ứng dụng.

Tóm lại, giáo viên phải không ngừng đọc tài liệu, các bài báo liên quan đến công nghệ trong dạy học, làm nghiên cứu, báo cáo kết quả nghiên cứu của mình tại các hội thảo, hội nghị và chia sẻ kết quả cho cộng đồng.

Ngoài việc ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao giao tiếp và hợp tác, giáo viên cũng cần tích hợp nó trong việc soạn giảng, chấm điểm và lưu trữ kết quả học tập học sinh. Giáo viên luôn cần nhiều nguồn tài liệu hỗ trợ phục vụ giảng dạy, do đó Internet sẽ là một kho tài liệu quý báo đối với họ.

Việc kiểm tra, đánh giá cũng có nhiều thay đổi kể từ khi công nghệ được ứng dụng rộng rãi trong việc chấm điểm, nhận xét, báo cáo và lưu trữ kết quả học tập của học sinh.

Thông qua các phương tiện hiện đại, giáo viên sẽ tiết kiệm thời gian và có thể gửi kết quả nhận xét đến học sinh nhanh chóng và hiệu quả.

1.4. Ứng dụng các chuẩn CNTT trong giảng dạy trực tuyến

Phần này tập trung vào việc áp dụng các tiêu chuẩn vào việc giảng dạy trực tuyến, nhằm chỉ ra cách áp dụng mỗi tiêu chuẩn đối với bất kỳ ai có tham gia giảng dạy và các cấp quản lý.

Các chuẩn Công nghệ Thông tin được áp dụng cho mọi hoàn cảnh dạy học, kể cả môi trường trực tuyến. Những điều này bao gồm việc tạo ra cơ sở vật chất phù hợp, tạo ra môi trường học

tập phù hợp, quản lý về mặt thời gian và có sự hiện diện của giáo viên và người học.

1.4.1. Hạ tầng Công nghệ Thông tin

Giáo viên trong một khóa học trực tuyến cần phải hiểu rõ rằng nếu xảy ra vấn đề kỹ thuật, người học có thể sẽ không tham gia được khóa học nữa. Giáo viên cần phải có biện pháp giải quyết vấn đề để có thể giúp đỡ người học theo được khóa học một cách đầy đủ.

Những vấn đề như vậy bao gồm việc nâng cấp phần mềm, có các chương trình chống chặn web, chống vi-rút mạng…

Tiếp cận được với công nghệ mới, bao gồm các trang thiết bị có thể trợ giúp người khuyết tật. Để có thể mang lại kết quả tốt nhất cho người học, các trang web và các thông tin trực tuyến khác cần phải được thiết lập theo đúng Nguyên tắc Thiết kế Phổ quát: "việc thiết kế sản phẩm và môi trường phải được thực hiện sao cho mọi người đều có thể sử dụng với mục đích cao nhất mà không cần phải điều chỉnh hoặc thiết kế đặc biệt". Một khi trang web hoặc các tài liệu được thiết kế đúng, chúng có thể sẵn sàng sử dụng cùng với các thiết bị hỗ trợ nếu cần.

1.4.2. Môi trường học tập

Một môi trường học tập tích cực bao gồm rất nhiều yếu tố. Trong môi trường như thế, người học có thể thoải mái trình bày ý kiến của mình và họ cảm thấy mình luôn được bạn học cùng lớp và giáo viên ủng hộ. Người học cần phải tham gia nhiều vào các hoạt động thảo luận cũng như cộng tác làm bài tập.

Để việc học đạt kết quả tốt nhất, môi trường học tập trực tuyến cần phải có các tính năng hỗ trợ việc tương tác và hợp tác giữa các người học để có thể tạo nên một môi trường học tập tốt.

Để việc học tập đạt kết quả tốt trong môi trường học tập trực tuyến, giáo viên cần phải được đào tạo liên tục, có đủ thời gian chuẩn bị và tham gia vào khóa học trực tuyến, kích cỡ lớp

học phù hợp và có mức lương xứng đáng (Colwell & Jenks, 2004). Một lớp học với 50-70 người học cho dù là học trực tuyến hay học truyền thống thì không thể nào hiệu quả bằng lớp học chỉ với từ 15-20 người học. Việc thay đổi hình thức học không thể nào tạo ra một sự thay đổi tổng thể. Năm mươi bài luận dưới dạng điện tử cũng cần đến lượng thời gian đọc và chấm như 50 bài trên giấy.

1.4.3. Thời gian học

Nhiều người học lớn tuổi tham gia các khóa học trực tuyến bởi vì họ phải đối mặt nhiều yêu cầu do công việc, gia đình và học tập. Họ cần phải có những hạn mốc thời gian rõ ràng để có thể sắp xếp ổn thỏa công việc và gia đình. Như vậy, các hạn mốc thời gian cần phải xác định rõ ràng để người học có thể sắp xếp (Shi, Mishra, Bonk, Tan, & Zhao, 2006).

Vì thế, khi cần có các hoạt động trực tuyến cùng lúc thì ta cần phải có kế hoạch trước để mọi người học đều có thể tham gia.

1.4.4. Đặc điểm người dạy và người học

Giáo viên và người học cần phải phối hợp với nhau trong việc tạo ra hiện diện về mặt xã hội trong khóa học, nơi mà người học luôn cảm thấy thoải mái trong việc tương tác với các người học khác.

Giáo viên, và thông thường cũng là người thiết kế khóa học, luôn là nhân tố trung tâm trong việc hiện diện về mặt nhận thức trong khóa học trực tuyến.

1.5. Thực trạng năng lực ứng dụng Công nghệ Thông tin của giáo viên

1.5.1. Thực trạng ứng dụng Công nghệ Thông tin trong dạy và học

Trong các năm gần đây các trường phổ thông dưới sự chỉ đạo của Bộ GDĐT đều được trang bị phòng máy, phòng đa năng, nối mạng Internet và Tin học được giảng dạy chính thức, một số

trường còn trang bị thêm Thiết bị ghi âm, chụp hình, quay phim (Sound Recorder, Camera, Camcorder), máy quét hình (Scanner), và một số thiết bị khác, tạo cơ sở hạ tầng Công nghệ Thông tin cho giáo viên sử dụng vào quá trình dạy học của mình (Robinson, 1988).

Công nghệ phần mềm phát triển mạnh, trong đó các phần mềm giáo dục hỗ trợ tích cực cho quá trình giảng dạy như: bộ Office, Cabri, Crocodile, SketchPad/Geomaster SketchPad, Maple/Mathenatica, ChemWin, LessonEditor/ VioLet … hệ thống mạng, Elearning và các phần mềm đóng gói, tiện ích khác.

Hiện nay, các công ty thiết bị giáo dục cũng thường xây dựng các video quay các tiết giảng mẫu để đưa về các trường.

1.5.2. Khảo sát thực tiễn

1.5.2.1. Khảo sát giáo viên trung học

Khảo sát trên đối tượng là 350 giáo viên tiếng Anh các cấp thuộc các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Hình thức khảo sát: Bảng hỏi điều tra, phỏng vấn trực tiếp và trực tuyến (qua skype, viber và các phương tiện khác)

a) Thái độ giáo viên đối với việc sử dụng công nghệ trong dạy học

Qua phân tích số liệu có thể nhận định rằng, đại bộ phận giáo viên có thái độ và nhận thức tích cực với việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. 75% giáo viên được khảo sát cho rằng họ cảm thấy thích thú khi ứng dụng Công nghệ Thông tin trong dạy học.

Theo kết quả thống kê, có đến hơn ¼ giáo viên cho cảm thấy không tự tin khi sử dụng các công cụ công nghệ trong giảng dạy, và hơn ½ giáo viên chỉ cảm thấy hơi tự tin khi ứng dụng công nghệ. Hay nói cách khác, đa số họ đều cảm thấy chưa hoàn toàn tự tin để tìm tòi và biến Công nghệ Thông tin thành công cụ cho việc dạy và học theo phương pháp hiện đại. Thực tế việc giáo

viên cảm nhận khả năng sử dụng công nghệ bản thân còn hạn chế cho thấy việc giúp cho giáo viên cảm thấy tự tin và đủ năng lực để tích hợp công nghệ trong dạy học là nhiệm vụ hết sức cấp bách và cần thiết của ngành giáo dục.

b) Mức độ thường xuyên giáo viên sử dụng công nghệ trong giảng dạy và giao tiếp

Kết quả điều tra cho thấy đa số giáo viên đã dùng Internet như là công cụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ nhưng vẫn còn một bộ phận giáo viên vẫn chưa tận dụng triệt để mạng Internet. Ngoài ra, giáo viên cũng đã sử dụng các hình thức liên lạc khác nhau như: email, diễn đàn …để liên lạc có hiệu quả với đồng nghiệp. Tuy nhiên, gần một nữa giáo viên tham gia khảo sát cho biết họ không thường xuyên sử dụng các công nghệ giao tiếp. Một điểm đáng lưu ý là đa số giáo viên thỉnh thoảng tích hợp công nghệ hiện đại vào bài giảng và chỉ khoảng hơn 6% giáo viên rất thường xuyên sử dụng. Qua phân tích kết quả, có thể nhận thấy số lượng giáo viên ứng dụng công nghệ mới vào giảng dạy và giao tiếp với đồng nghiệp còn rất hạn chế.

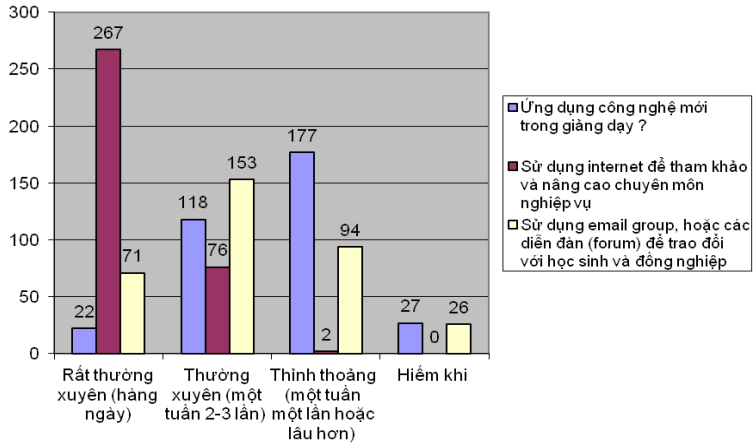

Hình 1. GV ứng dụng CN mới, Internet, diễn đàn trong giảng dạy

c) Các công cụ công nghệ giáo viên sử dụng trong giảng dạy

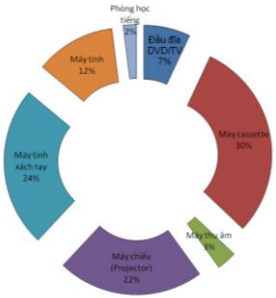

Hình 2. Các phương tiện công nghệ GV hay sử dụng để hỗ trợ giảng dạy

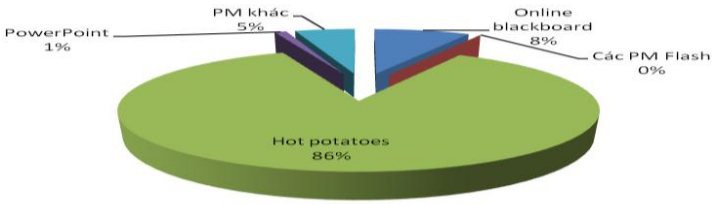

Hình 3. Phần mềm, chương trình hoặc công nghệ để hỗ trợ giảng dạy

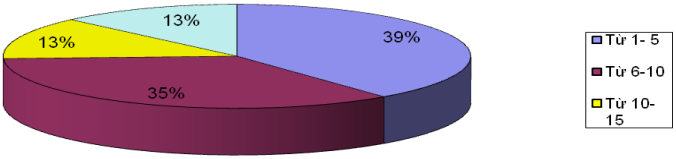

Hình 4. Giáo trình bài giảng có ứng dụng công nghệ

Khi phân tích phương tiện công nghệ ứng dụng vào dạy học, có thể thấy, đại bộ phận giáo viên chỉ sử dụng máy cassette, máy chiếu, máy tính, và thỉnh thoảng sử dụng máy thu âm cho việc dạy, các công nghệ phần mềm online, các platform tương tác giúp cho việc học từ xa không được phát huy.

1.5.2.2. Khảo sát giáo viên phổ thông, giảng viên đại học và nhà quản lý

Đối tượng trong khảo sát này rộng rãi hơn, bao gồm giáo viên phổ thông, giảng viên đại học và các nhà quản lý. Các vấn đề được tập trung khảo sát trên diện rộng này bao gồm:

- Tính cấp thiết về sự ra đời của khung năng lực ứng dụng Công nghệ Thông tin dành cho giáo viên tiếng Anh.
- Khả năng tự đánh giá mức độ thành thạo trong xử dụng các thiết bị Công nghệ thông tin cơ bản trong giảng dạy tiếng Anh
- Đánh giá tính gắn kết giữa phương pháp giảng dạy và việc ứng dụng Công nghệ Thông tin trong giảng dạy
- Đánh giá mức độ ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy, từ việc lưu trữ dữ liệu, thông tin liên lạc đến khai thác tài nguyên trực tuyến để giảng dạy.

Với 207 phiếu điều tra thu được với tổng số 69 giáo viên tiếng Anh phổ thông, 82 giảng viên tiếng Anh bậc đại học, 51 cán bộ quản lý và 4 đến từ các ngành nghề khác với tỉ lệ vùng miền tham gia khảo sát là: Miền Bắc: 19%, Miền Trung 65%, Miền Nam 16%.

a) Thái độ của giáo viên về tính cần thiết của khung năng lực Công nghệ Thông tin

Kết quả thu được từ khảo sát cho thấy có đến 89% cho rằng cần phải có một khung chuẩn về năng lực áp dụng Công nghệ Thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ. Tuy nhiên, chỉ có 55% số người tham gia khảo sát có thể sử dụng thành thạo các trang thiết bị cơ bản trong giảng dạy tiếng Anh, điều này cho thấy

rằng việc sử dụng các trang thiết bị cơ bản không phải là một vấn đề dễ dàng đối với giáo viên tiếng Anh.

b) Thái độ của giáo viên về việc tích hợp công nghệ với phương pháp sư phạm

Đối với việc kết hợp giữa việc kết hợp phương pháp giảng dạy và ứng dụng Công nghệ Thông tin trong giảng dạy, với 3 mức đánh giá:

a) Rất cần: 60% b) Cần: 32% c) Không cần: 8%

Về việc đánh giá mức độ ứng dụng Công nghệ Thông tin trong giảng dạy, từ việc lưu trữ dữ liệu, thông tin liên lạc đến khai thác tài nguyên trực tuyến để giảng dạy, cuộc khảo sát đã có các kết quả như sau.

c) Mức độ thường xuyên giáo viên sử dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp và giảng dạy

Mức độ thường xuyên sử dụng tài nguyên Công nghệ thông tin để nâng cao tính hiệu quả trong việc giảng dạy tiếng Anh (với 3 mức: a. có, thường xuyên: 39%; b. có, thỉnh thoảng: 44; c. không: 17%).

Độ thường xuyên sử dụng Công nghệ thông tin để liên lạc với đồng nghiệp, chia sẻ tài liệu (với 3 mức: a. có, thường xuyên: 113; b. có, thỉnh thoảng: 81; c. không:13).

Độ thường xuyên trong việc sử dụng công nghệ thông tin để lưu trữ thông tin (với 3 mức: a. có, thường xuyên: 56%; b. có, thỉnh thoảng: 38%; c. không: 6%).

Như vậy, có thể thấy rằng:

- Đa số giáo viên ý thức được tầm quan trọng của việc Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh.

- Cần phải có một khung chuẩn để đánh giá năng lực ứng dụng Công nghệ thông tin dành cho giáo viên tiếng Anh.

- Giáo viên tiếng Anh cần phải biết kết hợp giữa phương pháp giảng dạy và việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Giáo viên tiếng Anh cần phải biết sử dụng Công nghệ thông tin để lưu trữ, thông tin liên lạc với đồng nghiệp cũng như sử dụng tài nguyên công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công việc giảng dạy.

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các khung năng lực Công nghệ Thông tin áp dụng cho giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam.

2.2. Khách thể nghiên cứu:

- Giáo viên tiếng Anh ở các trường phổ thông;
- Giảng viên tiếng Anh ở các trường Đại học, Cao đẳng;
- Các nhà quản lý giáo dục các cấp.

2.3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát của chương trình là nghiên cứu, giới thiệu một hệ thống các tiêu chuẩn về ứng dụng Công nghệ Thông tin mà một giáo viên tiếng Anh cần đạt được, cần được trang bị. Các tiêu chuẩn cần thể hiện các đặc điểm của môi trường Việt Nam.

Áp dụng khung năng lực Công nghệ Thông tin giúp giáo viên tiếng Anh nâng cao năng lực giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đây là thang đo giúp giáo viên cũng như các nhà quản lý các cấp kiểm tra, theo dõi và làm phương tiện đánh giá năng lực của giáo viên do mình quản lý.

2.4. Phạm vi nghiên cứu

Đề án được tiến hành nhằm xây dựng khung chuẩn Công nghệ Thông tin cho giáo viên tiếng Anh tại Việt Nam, được thực hiện trong thời gian một năm, bắt đầu từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2013.

2.5. Tiến trình thực hiện

- Nghiên cứu khảo sát tình hình ứng dụng Công nghệ Thông tin của giáo viên các cấp tại các tỉnh, thành phố trong khu vực Miền Trung, Tây Nguyên nhằm phản ánh nhu cầu và cân đo mức độ ứng dụng Công nghệ Thông tin của giáo viên tiếng Anh tại các địa phương điển hình.
- Nghiên cứu khảo sát trực tuyến toàn quốc với đa dạng các đối tượng gồm các nhà quản lý, giảng viên đại học giảng dạy môn tiếng Anh và các giáo viên phổ thông giảng dạy môn tiếng Anh về các nội dung liên quan đến chuẩn năng lực áp dụng Công nghệ Thông tin trong giảng dạy tiếng Anh.
- Nghiên cứu khảo sát các tài liệu liên quan trong và ngoài nước, gồm:
  + Khung "TESOL Technology Standard" (Healey et al., 2008).
  + Khung "TESOL Technology Standard" (Healey et al., 2011).
  + Khung chuẩn Công nghệ Thông tin của UNESCO (UNESCO, 2008a, 2008b, 2008c).
  + Khung chuẩn Công nghệ Thông tin của Viện Giáo dục Quốc gia ISTE (Kelly & McAnear, 2008).
  + Các chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp do Bộ GD&ĐT ban hành (Bộ GD&ĐT, 2007a, 2009).
  + Khung năng lực giáo viên tiếng Anh của Diana Dudzik (Dudzik, 2013).
  + Các Quyết định của Chính phủ về Công nghệ Thông tin (Thủ tướng Chính phủ, 2009).
- Xây dựng Khung năng lực Công nghệ Thông tin phù hợp với môi trường Việt Nam trên cơ sở phân tích chọn lọc và lấy ý kiến từ các khung chuẩn Công nghệ Thông tin được giới thiệu ở trên.

2.6. Nguyên tắc xây dựng

- Có tham khảo khung năng lực Công nghệ Thông tin dành cho giáo viên của các quốc gia khác.
- Phát triển và bổ sung các năng lực ứng dụng đặc thù cho giáo viên dạy tiếng Anh ở Việt Nam.
- Đảm bảo tối đa việc tuân thủ các quy định hiện hành, không làm trái các văn bản đã quy định
- Phù hợp với thông lệ quốc tế và đặc điểm của Việt Nam.
- Điều chỉnh, bổ sung những yếu tố riêng của Việt Nam.
- Phải phù hợp với cách nghĩ, cách làm của người Việt Nam.

2.7. Đối tượng áp dụng

Khung năng lực Công nghệ Thông tin áp dụng cho giáo viên dạy tiếng Anh tại Việt Nam. Trong thực tế, giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam bao gồm 4 cấp độ:

- Giáo viên tiếng Anh cấp tiểu học
- Giáo viên tiếng Anh cấp Trung học Cơ sở
- Giáo viên tiếng Anh cấp Trung học Phổ thông
- Giảng viên tiếng Anh bậc đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp

Không có các cấp độ cụ thể cho từng bậc dạy của giáo viên mà chỉ có hai bậc: cơ bản và chuyên nghiệp được đề xuất trong khung dưới đây.

CHƯƠNG 3. KHUNG NĂNG LỰC CNTT CHO GIÁO VIÊN Ở VIỆT NAM

Mục tiêu 1. Có kiến thức và kỹ năng sử dụng Công nghệ Thông tin căn bản phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp

Mục tiêu 2. Tích hợp kiến thức và kỹ năng sư phạm với công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả việc dạy và học.

Mục tiêu 3. Ứng dụng công nghệ để lưu trữ, phản hồi và đánh giá kết quả học tập.

Mục tiêu 4. Sử dụng công nghệ để nâng cao năng lực giao tiếp, khả năng hợp tác và tính hiệu quả trong giảng dạy.

Dựa trên Khung TESOL Technology Standards)

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Khung năng lực ứng dụng Công nghệ Thông tin (CNTT) dành cho giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam là thành quả đúc kết từ một năm nghiên cứu, với sự kết hợp hài hoà giữa các chuẩn công nghệ hiện đang được áp dụng ở nước ngoài (đặc biệt là chuẩn công nghệ TESOL) và kết quả khảo sát thực trạng năng lực CNTT của giáo viên tiếng Anh toàn quốc tại Việt Nam. Khung này bao gồm bốn mục tiêu, 22 tiêu chuẩn với nhiều tiêu chí thể hiện ở 2 cấp: cơ bản và chuyên nghiệp (trang 51).

Trong quá trình xây dựng khung năng lực Công nghệ Thông tin dành cho giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam, nhóm biên soạn gặp nhiều thuận lợi cũng như khó khăn. Trong số các thuận lợi, phải kể đến những khung năng lực tương tự hiện có trên thế giới, làm nền cho quá trình xây dựng khung này có tính đến hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Thuận lợi tiếp theo là sự hỗ trợ đắc lực của nhóm công nghệ Tech Team, gồm những chuyên gia hàng đầu về ứng dụng Công nghệ Thông tin trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu ngoại ngữ ở Việt Nam. Bảng danh sách các thành viên của Tech Team được liệt kê ở phần giới thiệu.

Bên cạnh những thuận lợi kể trên, nhóm biên soạn còn gặp phải những khó khăn như: làm thế nào để thiết kế và tích hợp đặc điểm khu biệt của môi trường Việt Nam vào các tiêu chí đánh giá của khung. Các điểm khu biệt này bao gồm hạ tầng cơ sở Công nghệ Thông tin ở các địa phương, năng lực và nhận thức về Công nghệ Thông tin của giáo viên tiếng Anh, nhận thức của lãnh đạo các cấp, v.v…

Do vậy, khung năng lực Công nghệ Thông tin này chỉ là bước khởi đầu, mang tính tổng quan, với mong muốn góp phần thay đổi cục diện ứng dụng Công nghệ Thông tin bằng cách giúp giáo viên tiếng Anh tự xác định năng lực CNTT (xem Phụ lục B), từ đó có định hướng tham gia các khoá tập huấn ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập của giáo viên.

Một số kiến nghị đề xuất:

Đối với nhà hoạch định chính sách: nên áp dụng khung năng lực CNTT này để đánh giá năng lực CNTT của giáo viên tiếng Anh trong phạm vi toàn quốc; dựa vào đó cấp chứng chỉ năng lực sử dụng CNTT cho giáo viên, coi đây là một phần của chuẩn nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh trong thế kỷ 21; gắn kết khung năng lực này với nội dung đào tạo kỹ năng ứng dụng CNTT vào dạy-học tiếng Anh; xây dựng chế độ khen thưởng thoả đáng tương xứng với năng lực CNTT của giáo viên;

Đối với giáo viên tiếng Anh: nâng cao nhận thức về lợi ích của việc ứng dụng CNTT vào dạy-học ngoại ngữ; ý thức được trình độ ứng dụng CNTT của bản thân thông qua Bảng tự đánh giá (Phục lục B); từ đó có kế hoạch bồi dưỡng hoặc tham gia các khoá tập huấn về ứng dụng CNTT vào dạy-học ngoại ngữ;

Đối với chuyên gia CNTT: xây dựng các mô-đun đào tạo kỹ năng CNTT, đặc biệt là các cách ứng dụng cụ thể vào việc dạy-học kỹ năng thực hành tiếng Anh.

Mặc dầu có những tồn tại cần được cân nhắc, sự phát triển của Công nghệ Thông tin đã và đang mang lại một cuộc cách mạng trong đào tạo ngoại ngữ. Công cụ giảng dạy hiện đại này đang trở nên ngày càng đáng tin cậy và dễ sử dụng hơn. Internet chứa trong nó một lượng thông tin khổng lồ chưa từng thấy trong lịch sử loài người. Tuy nhiên, do bản chất đặc thù của chủ thể, tài nguyên và công nghệ hiện đại này cần sự hỗ trợ của chuyên gia nhằm tối ưu hóa tính ưu việt của CNTT trong đào tạo ngoại ngữ. Giáo viên tiếng Anh cần lưu ý rằng, giống như bất cứ tài nguyên và công cụ hỗ trợ giảng dạy nào khác, CNTT nói chung và tài nguyên số nói riêng, người thầy luôn là nhân tố quan trọng nhất cho sự thành công hay thất bại của quá trình dạy-học (Nguyen, 2012).

World Wide Web (WWW) sẽ trở nên vô ích nếu không có sự chuẩn bị và tổ chức lớp học kỹ càng. Vì thế, giáo án soạn kỹ, quản lý lớp học tốt chắc chắn luôn là yêu cầu trước nhất trong việc khai thác các tính năng giáo dục của CNTT trong đào tạo ngoại ngữ. Cuối cùng, điều thật sự cần để tối ưu hóa tiến trình học tập là thay đổi tư duy của giáo viên "… từ suy nghĩ công nghệ có thể hỗ trợ gì cho người học đến tư duy người học có thể khai thác được gì từ công nghệ Internet" (Godwin-Jones, 1999, p. 49).